

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường tại văn bản số 2179/BQLDA-ĐH ngày
27/12/2023; và văn bản số 830/CV-BQLDA ngày 27/5/2024; văn bản số
1469/CVBQLDA ngày 23/9/2024; văn bản số 1697/CV-BQLDA ngày 29/10/2024
của Ban Quản lý dự án Biên Hoà về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép
môi trường của dự án "Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tân Phong, thành
phố Biên Hòa" tại phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ
sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên
Hoà tại Tờ trình số 4149/TTr-PTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án Biên Hoà, địa chỉ tại Tầng 9, số
225, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Cải tạo, sửa chữa
Trạm Y tế phường Tân Phong thành phố Biên Hòa" tại phường Tân Phong, thành
phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tân Phong thành phố
Biên Hòa.

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 91, tờ bản đồ số 35, phường Tân Phong,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2008 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thành lập Ban Quản lý dự án thành phố Biên Hòa (gọi tắt là Ban Quản lý dự án Biên Hòa).

1.4. Mã số thuế: 3600503191

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trạm Y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: khu đất có diện tích khoảng 1.175 m² thuộc phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa.

- Quy mô:

+ Tổng vốn đầu tư của dự án: 2,33 tỷ đồng.

+ Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án đầu tư thuộc nhóm III theo quy định Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất: Trạm y tế gồm 12 phòng chức năng (Phòng khám bệnh; Phòng sơ cứu – cấp cứu; Phòng tiệt trùng; Phòng nha; Phòng trực; Phòng đẻ (sinh), thủ thuật kế hoạch hóa gia đình; Quầy thuốc – kho thuốc; Phòng khám phụ khoa; Phòng Y dược học cổ truyền; Phòng tiêm chủng; Phòng tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe; Phòng lưu bệnh – lưu sản phụ (không lưu giữ qua ngày).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Biên Hoà – đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án Biên Hoà có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 05 tháng 11 năm 2024 đến ngày 05 tháng 11 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT/ UBND TP;
- Chánh, các PCVP/HĐND-UBND TP;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án Biên Hòa;
- Trung tâm Y tế Biên Hòa;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- UBND phường Tân Phong;
- Lưu: VT, KTNS.



Nguyễn Duy Tân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18812/GPMT-UBND ngày 05/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên và bệnh nhân (từ các thiết bị bồn cầu, bồn tiểu).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và bệnh nhân phát sinh từ các lavabo.
- Nguồn số 03: Nước thải y tế (từ vệ sinh thiết bị y tế, phòng khoa)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: thoát ra hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Ái Quốc sau đó chảy ra Suối Sắn Máu chảy vào sông Cái và chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột A, K = 1,2 theo đường ống nhựa uPVC Φ 90, chiều dài 37m, $i = 0,3\%$ được đặt xuyên bên trong cống mương thoát nước hiện hữu BTCT D400 đầu nối từ hố ga trong khuôn viên trước cổng trạm y tế băng qua đường Lương Văn Nho và đầu nối vào hố ga tại cổng Trường Mầm Non Tân Phong, chảy vào cống thoát nước chung trên đường Nguyễn Ái Quốc, rồi chảy ra suối Sắn Máu chảy ra sông Cái, rồi chảy về nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý: X = 1213103; Y = 399896 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K=1,2, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/ BTNMT Cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	
3	COD	mg/l	60	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:

- Toàn bộ lượng nước mưa sẽ được thu gom theo mương thoát nước mưa nội bộ của dự án, bằng bê tông cốt thép B400 với độ dốc cống là $i = 0,3\%$ đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực tại 02 vị trí đầu nối trước công trường mầm non Tân Phong bằng mương bê tông cốt thép B300 với độ dốc cống là $i = 0,3\%$ trên đường Lương Văn Nho và chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai, bằng phương thức tự chảy. Tọa độ đầu nối trên đường Lương Văn Nho (X_1 : 1213062; Y_1 : 399874; X_2 : 1213048; Y_2 = 399892;).

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động sinh hoạt (từ các thiết bị bồn cầu, bồn tiểu) sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn thể tích 10,56 m³ cùng với nước thải vệ sinh chân tay từ lavabo; nước thải y tế (từ vệ sinh thiết bị y tế, phòng khoa), sẽ được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC Φ 90 về hệ thống

xử lý nước thải tập trung công suất 1 m³/ngày để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột A, K=1,2. Nước thải sau xử lý theo hệ thống thoát nước của dự án băng qua đường Lương Văn Nho đưa về hố ga đầu nối trước công trường mầm non Tân Phong xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực đường Nguyễn Ái Quốc, sau đó thoát về suối Săn Máu, ra sông Cái rồi sau đó thoát vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (bồn cầu, bồn tiểu) → Bể tự hoại 03 ngăn + Nước thải vệ sinh chân tay từ lavabo + Nước thải y tế → Hố bơm → Ngăn tách rác → Ngăn lọc yếm khí → Ngăn đệm vệ sinh lưu động → Ngăn lắng → Bể khử trùng → Hố ga thoát nước trong khuôn viên dự án → Hố ga thoát nước của trường mầm non Tân Phong → hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Ái Quốc → suối Săn Máu → sông Cái → sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 1 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: ozone với 1,44 kg/tháng; mật rỉ, cám gạo với 1,3 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình công nghệ.

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; không để vượt công suất xử lý.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 02 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải, công suất 1 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận nước thải theo QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A, K=1,2; không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18812/GPMT-UBND ngày 05/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

- Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

- Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý nước thải; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi ảnh hưởng tới khu dân cư hiện hữu.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18812/GPMT-UBND ngày 05/11/2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: tọa độ: X = 1213094; Y = 399881.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

4. Độ rung: không phát sinh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, kiểm định máy móc, thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn, hạn chế bóp còi trong khu vực dự án.

- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18812/GPMT-UBND ngày 05 / 11 /2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái (R/L/B)	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	200	NH
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	13 01 02	3,3	KS
3	Các thiết bị vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế)	Rắn/lỏng	13 03 02	7	NH
4	Linh kiện thiết bị điện, điện tử thải (bóng đèn led)	Rắn	19 02 06	4	NH
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 13	0,2	KS
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	10	KS
Tổng				224,5	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu
1	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	Rắn	6	TT
2	Bao bì giấy, giấy carton, giấy vụn....	18 01 05	Rắn	128	TT-R

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	Rắn	125	TT-R
4	Bao bì kim loại (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	Rắn	36	TT-R
5	Bao bì thủy tinh (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 09	Rắn	36	TT-R
6	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 12	Bùn	26	TT
7	Bùn từ bể tự hoại	12 06 13	Bùn	105	TT
Tổng khối lượng				462	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	2,37
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	1,42
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	0,95
Tổng khối lượng		4,75

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại – chất thải y tế:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 06 thùng nhựa chuyên dụng dung tích chứa 20 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 3 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: mái che bằng tôn, bọc tole bao quanh, nền bê tông, gắn biển báo ngoài khu vực và gắn các biển báo phân loại từng loại CTNH bên trong khu vực.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: 05 thùng chứa chuyên dụng dung tích 20 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, bọc tole bao quanh, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: 13 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít đặt tại các phòng chức năng, 02 thùng dung tích chứa 20 lít đặt tại phòng vệ sinh, 03 thùng chứa dung tích 120 lít đặt tại khu vực tập kết rác tại công trạm trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

2.3.2. Khu vực lưu chứa ngoài trời (vị trí tập kết rác sinh hoạt):

- Diện tích khu vực tập kết chất thải sinh hoạt: diện tích 2 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa ngoài trời: ngoài trời không có mái che; chất thải chứa trong các thùng rác có dung tích 120L, có nắp đậy kín.

Thực hiện chương trình phân loại chất thải tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại khác phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư 20:2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18812/GPMT-UBND ngày 05/11/2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K=1,2; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước mưa, nước thải trong khuôn viên dự án; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực

hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về UBND thành phố Biên Hòa trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về UBND thành phố Biên Hòa trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

8. Chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

9. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung được cấp giấy phép quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12, gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo theo Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu trữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.